

Số: 265/GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Điện lực Đồng Tháp tại Văn bản số 4737/PCĐT-KT+TCNS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8203/TTr-SNN&MT ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Điện lực Đồng Tháp, địa chỉ: số 248, đường Lê Đại Hành, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để máy biến áp tại ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên Dự án: Nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để máy biến áp.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động số 03000942001-018, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/7/2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.4. Mã số thuế: 03000942001-018.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để máy biến áp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: tổng diện tích của dự án là 2.417 m², trong đó bao gồm nhà xưởng sửa chữa thiết bị 200 m², văn phòng 200 m², nhà xe 48 m², nhà vệ sinh 20 m², kho lưu trữ 260 m², kho chất thải nguy hại 16 m² còn lại là khu vực sân bãi.

Công suất hoạt động: sửa chữa, bảo trì tối đa 20 máy biến áp/tháng, sức chứa tối đa của sân bãi 300 máy. Nhân viên phục vụ hoạt động của dự án vào thời điểm cao nhất 05 người/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Điện lực Đồng Tháp được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Điện lực Đồng Tháp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 26/7/2034.

Giấy phép môi trường số 3182/GPMT-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *men*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Mỹ Thọ;
- Công ty Điện lực Đồng Tháp;
- TT Công báo & Tin học tỉnh (đăng Công Thông tin);
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, GVi.

5

KT. CHỦ TỊCH *mbae*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 265 /GPMT-UBND
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: nước thải từ sinh hoạt công nhân phát sinh tối đa $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải nhiễm dầu $0,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước thải chung ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cống thoát nước thải chung, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp.

- Toạ độ vị trí xả nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: $X=10.447210^0$, $Y=105.691575^0$.

+ Nước thải nhiễm dầu: $X=10.447463^0$, $Y=105.691647^0$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: tổng lượng xả nước thải tối đa $0,65 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

a) Phương thức xả nước thải: tự chảy.

b) Chế độ xả nước thải: xả khi hoạt động.

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số $K=1,2$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (cột A, QCVN 14:2008/BTNMT)
1	Độ pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/L	36

3	TSS	mg/L	60
4	TDS	mg/L	600
5	Sunfua	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat	mg/L	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	6
10	Phosphat	mg/L	7,2
11	Tổng Coliforms	mg/L	3.000

+ Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường: áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung cột A bảng 2.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Độ pH	-	6 - 9
2	BOD ₅	mg/L	≤30
3	TSS	mg/L	≤50
4	TDS	mg/L	-
5	Sunfua	mg/L	≤0,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤6
7	Nitrat	mg/L	-
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤10
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤3
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤4
11	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100 mL	≤3.000

- Nước thải nhiễm dầu:

+ Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031 áp dụng QCVN 29:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (cột B, QCVN 29:2010/BTNMT)
1	Độ pH	-	5,5 - 9
3	TSS	mg/L	120
4	COD	mg/L	150
5	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/L	30

- Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường: áp dụng cột B và $F \leq 2000$ của QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (cột B và $F \leq 2000$, QCVN 40:2025/BTNMT)
1	Độ pH	-	6 - 9
3	TSS	mg/L	≤ 80
4	COD	mg/L	≤ 90
5	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 5

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn rồi theo hệ thống ống thoát nước thải PVC sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước công cộng cấp Quốc lộ 30.

- Đối với nước thải nhiễm dầu: phát sinh tại khu vực sửa chữa máy biến áp được thu gom bằng rãnh thu dầu bê tông cốt thép, có chiều rộng 0,3 m, chiều cao 0,5 m, tổng chiều dài của rãnh thu là 30 m, có nắp đậy ở trên bằng bê tông cốt thép sau đó dẫn vào 01 hố tách dầu – nước và 01 hố chứa dầu (hố tách dầu –

nước: chiều dài 1 m, chiều rộng 0,8 m, chiều cao 1,5 m, hố chứa dầu: chiều dài 1,7 m, chiều rộng 0,8 m, chiều cao 1,5 m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải, tóm tắt quy trình công nghệ

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân (05 người) → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thoát nước thải công cộng.

- Nước thải nhiễm dầu: toàn bộ lượng nước thải nhiễm dầu tại khu vực sửa chữa máy biến áp sẽ được thu gom bằng rãnh thu dầu bê tông cốt thép, có chiều rộng 0,3 m, chiều cao 0,5 m, tổng chiều dài của rãnh thu là 30 m, có nắp đậy ở trên bằng bê tông cốt thép sau đó dẫn vào 01 hố tách dầu – nước và 01 hố chứa dầu, nước sau khi tách dầu thoát ra hệ thống thoát nước công cộng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thực hiện do dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2010 và có phiếu kết quả phân tích mẫu kèm theo.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 265 /GPMT-UBND
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các xe tải cầu ra vào bốc dỡ các Máy biến áp

2. **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để máy biến áp tại ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và theo quy định hiện hành, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Kể từ ngày 01/01/2027: áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: khu vực cơ sở có tường rào cao che chắn xung quanh để cách ly xưởng với bên ngoài, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và lắp đặt bộ hãm cho các phương tiện vận chuyển, yêu cầu không được bấm còi xe khi đậu, làm việc tại cơ sở.

- Bố trí lịch làm việc của các phương tiện phù hợp về thời gian hoặc không gian làm việc nhằm hạn chế tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Không vận hành liên tục máy móc trong thời gian kéo dài trên 4 giờ, do các thiết bị sử dụng thi công có cường độ ồn cao.

- Tránh hoạt động máy móc vào các khoảng thời gian như nghỉ trưa, ban đêm để tránh gây phiền nhiễu đến các đối tượng xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hạn chế phát sinh độ ồn, rung do long ốc hoặc khô bạc đạn,...

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân vận hành máy móc, thiết bị có cường độ ồn lớn;

- Các thiết bị, máy móc sử dụng thi công được đăng kiểm định kỳ và bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo hoạt động tốt, độ ồn, rung thấp.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 265/GPMT-UBND
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: bao gồm dầu truyền nhiệt, cách nhiệt, máy biến thế và tụ điện thải có PCB, các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc dầu, giẻ lau, vải bảo vệ thải, thiết bị linh kiện điện tử thải, pin, ắc quy thải, hộp mực in, pin mặt trời thải,... phát sinh tối đa 9.209 kg/năm. Chất thải dạng lỏng được bố trí trong các thùng phuy 200 lít. Các chủng loại chất thải nguy hại được bố trí trong kho lưu chứa 16 m², định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: từ quá trình sửa chữa bao gồm dây đồng, dây nhôm, mảnh sắt vụn,... khoảng 02 kg/ngày: lưu chứa trong các thùng phuy 200 lít và định kỳ hàng tháng chuyển về nhập kho của Công ty Điện lực Đồng Tháp để hợp đồng thu gom xử lý.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 05 kg/ngày được phân loại và lưu chứa trong 01 thùng rác (loại thùng 200 lít), chất thải chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh phải bố trí thùng lưu giữ phù hợp, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

b) Kho chứa trong nhà:

- Diện tích khu lưu chứa trong nhà: bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa:

+ Mặt sàn trong khu vực đặt thùng chứa chất thải nguy hại bảo đảm kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa bằng tôn.

+ Khu vực đặt các thùng chứa chất thải nguy hại được cách ly với các loại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- + Khoảng cách an toàn với các khu vực sản xuất, sinh hoạt và thiết bị khác.
- + Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.
- + Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ.
- + Trong nhà xưởng và khu vực chứa chất thải nguy hại sẽ trang bị biển báo để đảm bảo an toàn cho những nhân viên trực tiếp làm việc tại nhà máy và cho khách hàng.
- Chất thải nguy hại phải được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 200 lít, bố trí phía trong nhà xưởng để lưu chứa chất thải, có che đậy, không để nước thải rò rỉ ra bên ngoài, không để mùi phát tán ra xung quanh. Chất thải rắn sản xuất được phân loại, thu gom, xử lý theo từng thành phần phát sinh. Định kỳ hàng tháng chuyển giao về nhập kho của Công ty Điện lực Đồng Tháp để hợp đồng thu gom xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa rác sinh hoạt loại 200 lít để thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt và được tập trung ra trước cổng dự án cuối giờ làm việc buổi chiều. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom tại địa phương đến thu gom định kỳ 01 ngày/lần và chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Khu vực lưu chứa: lưu chứa trong thùng trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng cháy chữa cháy

- Thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý về phòng cháy chữa cháy cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy.

- Bố trí hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động, hệ thống chống sét (kim thu sét tia điện đạo) và bình chữa cháy cầm tay theo quy định.

- Thành lập đội Đội phòng cháy chữa cháy tại dự án để kịp thời khắc phục sự cố và định kỳ phối hợp với cơ quan quản lý phòng cháy chữa cháy tổ chức tập huấn cho công nhân theo quy định.

- Thiết bị điện được tính toán với công suất có phụ tải dự phòng, đảm bảo

đủ cường độ dòng điện và lắp đặt thiết bị bảo vệ quá tải. Dây dẫn điện được bao che bên ngoài (ống luồn dây điện hoặc ống ruột gà, máng cáp). Bố trí hộp che chắn, bảo vệ các motor điện để hạn chế bụi bám vào và an toàn cho công nhân vận hành.

- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra, vệ sinh định kỳ. Nghiêm cấm hút thuốc và quăng tàn thuốc xung quanh, kiểm tra hệ thống đường dây điện, máy móc thiết bị tránh hỏng hóc phát sinh ma sát gây cháy nổ. Ngoài ra, tại khu vực sửa chữa bố trí hệ thống cảnh báo và chữa cháy theo quy định nên hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra cháy nổ.

2. Phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu máy biến áp, các thiết bị thuộc danh mục chất thải nguy hại lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại:

- Xây dựng các Quy trình vận hành và sửa chữa bảo trì máy biến áp, có Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu máy biến áp và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu.

- Khi dầu tràn ra đất thì có biện pháp thu gom dầu và đất nhanh nhất, khoanh vùng những khu vực đất bị ô nhiễm để kịp thời xử lý.

- Hợp đồng xử lý đúng quy định với các đơn vị có chức năng để xử lý các thùng chứa dầu, khu vực dầu tràn đổ, thu gom những vật liệu dính dầu về chỗ tập trung đúng quy định.

- Cơ sở thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra.

- Các thiết bị thuộc danh mục chất thải nguy hại lưu giữ tại kho chất thải nguy hại được phân loại, cho vào thùng chứa (có dán nhãn) theo từng loại riêng biệt.

3. Phòng chống sự cố rò rỉ dầu:

Trong quá trình chứa máy biến áp, thường xuyên kiểm tra thay joint, thay sứ tại vị trí bị rỉ dầu./.

